TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2021
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phước.
Ông Nguyễn Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị KT, sinh năm: 1991 *(Có mặt)*.
Nơi đăng ký HKTT: ấp số a, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Chỗ ở: ấp AĐG, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn*: Ông Đồng Văn Th, sinh năm: 1976 *(Vắng mặt không lý do)*.
Địa chỉ: ấp số a, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 11-10-2020, bản tự khai các ngày 24-11-2020, 26-01-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị KT trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Đồng Văn Th đi đến hôn nhân do tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có tiến hành lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC vào ngày 19-8-2017. Nữ trang ngày cưới có 1,5 chỉ vàng 24K, quá trình chung sống vợ chồng thống nhất bán hết số vàng này để làm ăn, nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ

chồng. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông Th sống hờ hững, vô tâm với vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nhiều lần gia đình hai bên tổ chức hoà giải nhưng không thành. Đến tháng 3 năm 2018, bà bỏ về ở bên nhà cha mẹ ruột tại ấp AĐG, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh và sống ly thân với ông Th từ đó đến nay không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Đồng Văn Th.

Về con chung: Bà và ông Đồng Văn Th có một người con chung là Đồng Gia H, sinh ngày 10-8-2015, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con, chưa đặt yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con, vì suốt thời gian dài sống ly thân với ông Th bà vẫn đủ khả năng để nuôi tốt con chung.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông Đồng Văn Th quá trình chung sống không tạo lập tài sản chung, hiện nay không nợ ai, cũng không ai nợ bà và ông Th, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị KT có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Đối với bị đơn ông Đồng Văn Th:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng ông Th đều vắng mặt không lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp số a, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho biết từ trước đến nay ông Th có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang sinh sống cùng nhà với cha ruột là ông Đồng Văn Đ tại ấp số a, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Th đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng ông Th tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị KT: Cho bà KT được ly hôn với ông Đồng Văn Th; Về con chung tên Đồng Gia H, sinh ngày 10-8-2015 giao cho bà KT tiếp tục nuôi

dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà KT chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Bà KT xác định không có; ông Th không có ý kiến trình bày, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Đồng Văn Th là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông Th đều vắng mặt không lý do. Ngày 05-3-2021, Tòa án triệu tập hợp lệ ông để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 13 giờ 30 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng ông Th vắng mặt không lý do. Ngày 15-3-2021, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông Th để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng ông Th vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đồng Văn Th.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy bà Nguyễn Thị KT và ông Đồng Văn Th xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC vào ngày 19-8-2017, nên hôn nhân của bà KT và ông Th là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà KT cho rằng nguyên nhân do ông Th không quan tâm đến bà, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải. Khi bà KT buồn giận mang theo con chung về ở bên nhà cha mẹ ruột, sống ly thân với ông Th từ tháng 3 năm 2018 đến nay mà ông Th cũng không liên lạc để hàn gắn hôn nhân. Đến nay thời gian ly thân của vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà KT cương quyết xin được ly hôn với ông Th. Đối với ông Đồng Văn Th theo xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp số a, xã MC và với người thân trong gia đình ông, thì hiện tại ông Th vẫn đang cư trú tại địa phương, ông Th biết việc bà KT xin ly hôn với ông, đồng thời người nhà của ông Th xác nhận có chuyển cho ông nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,… nhưng ông Th đều không đến Tòa, không cung cấp lời khai, cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa ông với bà KT. Ông không thể hiện nguyện vọng về việc mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà KT.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà KT, ông Th xác lập hôn nhân từ năm 2014, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi có bất đồng xảy ra, vợ, chồng không hài hòa về cách cư xử của bản thân, đã tự ý sống ly thân với nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*, nhưng bà KT, ông Th đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông, bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Theo các Biên bản tiếp xúc và xác minh các ngày 19-01-2021, 26-01-2021 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp số a, xã MC, với ông Đồng Văn Đ (cha ruột của ông Th) cho biết: Sau ngày cưới, bà KT, ông Th sống chung bên quê của ông Th tại ở ấp số a, xã MC, tuy không biết cụ thể mâu thuẫn trong cuộc sống chung giữa ông Th và bà KT, nhưng có biết giữa vợ chồng bà KT, ông Th có xảy ra bất đồng ý kiến cự cải với nhau, thấy vợ chồng họ đã không còn chung sống với nhau thời gian dài và bà KT đã mang theo con chung về ở bên nhà cha mẹ ruột khoảng 03 năm nay. Còn về tài sản chung hay nợ chung thì ở tại địa phương ấp số a, xã MC không ai có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với bà KT, ông Th.

[6] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 24-11-2020, 26-01-2021 để bà KT, ông Th có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông Th đều vắng mặt không lý do.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà KT, ông Th đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, bà KT xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với ông Th là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho bà KT được ly hôn với ông Th.

[8] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị KT và ông Đồng Văn Th có một người con chung tên Đồng Gia H, sinh ngày 10-8-2015, hiện đang sống chung với bà KT. Tại phiên tòa, bà KT giữ nguyên yêu cầu nuôi con và chưa đặt ra yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Tại các Biên bản tiếp xúc và xác minh các ngày 19-01-2021,

26-01-2021 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp số a - xã MC, với ông Đồng Văn Đ (cha ruột của ông Th) đều cho biết trong thời gian ông Th, bà KT sống ly thân thì con chung do bà KT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho đến nay. Do đó, cần xử cho bà KT được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật. Vì bà KT chưa đặt ra yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Nguyễn Thị KT xác định quá trình chung sống bà và ông Đồng Văn Th không tạo lập tài sản chung, không nợ ai, cũng không ai nợ bà và ông Th, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với ông Th đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa án, nên không có lời trình bày của ông về xác định tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[10] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị KT có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị KT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị KT được ly hôn với ông Đồng Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đồng Gia H, sinh ngày 10-8-2015 cho bà Nguyễn Thị KT tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị KT chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị KT và ông Đồng Văn Th chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị KT và ông Đồng Văn Th chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị KT phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà KT đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0003743 ngày 28-10-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã MC;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo